

Bản án số **08/2025/HNGĐ-ST**
Ngày 28 tháng 03 năm 2025
V/v “Ly hôn; tranh chấp nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ- THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Đình Vui

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Minh Thân và ông Phạm Thuận

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Nguyễn Viết Cường

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng
tham gia phiên tòa:** Bà Trần Thị Mai Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 03 năm 2025 tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 491/2024/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2024 về việc “*Ly hôn; nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 491/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 491/2025/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Ngô Thị Kim Á** - Sinh năm: 1971. Địa chỉ: Số A Đ, phường T (cũ V), quận T, thành phố Đà Nẵng. Có mặt

- Bị đơn: Ông **Lê Phan Kỳ P** - Sinh năm: 1971. Địa chỉ: Số A Đ, phường V quận T, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện gửi đến Tòa án, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Ngô Thị Kim Á trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Ngô Thị Kim Á và ông Lê Phan Kỳ P kết hôn vào năm 2004, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại địa chỉ số A đường Đ, phường V, quận T, thành phố Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông Lê Phan Kỳ P thường xuyên sử dụng chất kích thích là hút cỏ Mỹ dẫn đến bị nghiện, sau khi hút cỏ Mỹ ông P biểu hiện ảo giác và thường xuyên la ré, đánh đập vợ con. Mặc dù bà Á đã nhiều lần khuyên ông P không sử dụng cỏ Mỹ và bà Á nhờ chính quyền địa phương đưa ông P đi cai nghiện nhưng ông P vẫn không từ bỏ việc sử

dụng cỏ Mỹ và ngày càng nghiện nặng hơn. Do mâu thuẫn đã quá trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Á yêu cầu Toà án giải quyết được ly hôn với ông Lê Phan Kỳ P.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống bà Ngô Thị Kim Á và ông Lê Phan Kỳ P có 03 con chung Lê Kỳ T – sinh năm: 2005, Lê Kỳ N – sinh ngày: 11/01/2007 và Lê Mỹ U – sinh ngày: 26/10/2013. Trong đơn khởi kiện bà Á có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Lê Kỳ N, Lê Mỹ U và yêu cầu ông P cấp dưỡng cho mỗi con một tháng 2.000.000đ cho đến khi các con thành niên (đủ 18 tuổi). Nhưng hiện nay con chung Lê Kỳ N đã đủ 18 tuổi nên bà Á chỉ có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Mỹ U và không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con. Còn con chung Lê Kỳ T, Lê Kỳ N đã thành niên nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Ngô Thị Kim Á không yêu cầu Toà án giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là ông Lê Phan Kỳ P không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Kim Á, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

*** Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê:**

- Về thủ tục tố tụng: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê thống nhất về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn đã được đảm bảo thực hiện đúng, đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; riêng bị đơn là ông Lê Phan Kỳ P vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình tố tụng mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nên phải chịu hậu quả pháp lý về sự vắng mặt của mình.

- Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 56 luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của bà Ngô Thị Kim Á xin ly hôn với ông Lê Phan Kỳ P.

- Về con chung: Giao con chung Lê Mỹ U – sinh ngày: 26/10/2013 cho bà Á trực tiếp nuôi dưỡng, ông P không cấp dưỡng nuôi con. Các con chung Lê Kỳ T – sinh năm: 2005, Lê Kỳ N – sinh ngày: 11/01/2007 đã thành niên nên không đề cập đến.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Ngô Thị Kim Á không yêu cầu Toà án giải quyết nên không đề cập đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Ngô Thị Kim Á khởi kiện “Ly hôn; tranh chấp nuôi con” đối với bị đơn là ông Lê Phan Kỳ P có địa chỉ cư trú tại phường T (cũ V), quận T, thành phố Đà Nẵng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn là ông Lê Phan Kỳ P vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt ông P.

[2] Về nội dung tranh chấp:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Ngô Thị Kim Á và ông Lê Phan Kỳ P có thời gian tìm hiểu và tự nguyện kết hôn vào năm 2004, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng. Việc kết hôn giữa bà Á và ông P là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, lừa dối và không trái với quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa bà Ngô Thị Kim Á và ông Lê Phan Kỳ P là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Á xác định trong quá trình chung sống giữa vợ chồng có phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông P thường xuyên hút cỏ Mỹ dẫn đến bị nghiện, sau khi hút cỏ Mỹ ông P biểu hiện ảo giác và thường xuyên la ré, đánh đập vợ con. Mặc dù bà Á đã nhiều lần khuyên ông P không sử dụng cỏ Mỹ và bà Á nhờ chính quyền địa phương đưa ông P đi cai nghiện nhưng ông P vẫn không từ bỏ việc sử dụng cỏ Mỹ và ngày càng nghiện nặng hơn. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân giữa bà Á và ông P đã thể hiện giữa bà Á và P đã có phát sinh mâu thuẫn; Tòa án đã xác minh và thu thập chứng cứ tại Công an phường T (cũ phường V) thể hiện Công an phường V đã đưa ông P đi cai nghiện vào năm 2003, năm 2004 vì lý do hút cỏ Mỹ.

Tại phiên tòa, bà Á khẳng định đã hết tình cảm với ông P nên mong muốn được ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã làm các thủ tục cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông P nhưng ông P vẫn không đến Tòa án để giải quyết về việc bà Á yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông P và ông P không có văn bản trình bày ý kiến của mình, điều đó thể hiện ông P không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét mâu thuẫn vợ chồng bà Á và ông P đã trầm trọng, hạnh phúc gia đình không có, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Á về việc ly hôn với ông P là phù hợp.

- Về con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Ngô Thị Kim Á xác định bà và ông Lê Phan Kỳ P có 03 con chung Lê Kỳ T – sinh năm: 2005, Lê Kỳ N – sinh ngày: 11/01/2007 và Lê Mỹ U – sinh ngày: 26/10/2013. Ly hôn, bà Á có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Mỹ U và không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy: Khi giải quyết cho ly hôn thì việc giao con chung cho ai nuôi dưỡng phải đảm bảo quyền lợi tốt nhất về mọi mặt cho con chưa thành niên. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, ông Lê Phan Kỳ P đều vắng mặt và không có văn bản thể hiện ý kiến, nguyện vọng về việc nuôi con chung. Mặt khác, ông P là người thường xuyên sử dụng chất kích thích nên không thể giao cháu U cho ông P trực tiếp nuôi dưỡng. Về phía bà Á hiện nay có thu nhập ổn định, cháu Lê Mỹ U là nữ hiện đang ở độ tuổi phát triển về tâm sinh lý nên cần bà Á chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định giao con chung Lê Mỹ U cho bà Á trực tiếp nuôi dưỡng, ông P không cấp dưỡng nuôi con là phù hợp.

Sau này vì quyền lợi của con chung chưa thành niên, các bên đương sự vẫn có quyền yêu cầu hoặc thỏa thuận thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, các bên đương sự vẫn có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật; người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Còn con chung Lê Kỳ T, Lê Kỳ N đã thành niên nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Ngô Thị Kim Á không yêu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Ngô Thị Kim Á phải nộp 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị Kim Á về việc “Ly hôn; tranh chấp nuôi con” đối với ông Lê Phan Kỳ P.

2. **Xử:**

- * Về quan hệ hôn nhân: Bà Ngô Thị Kim Á được ly hôn với ông Lê Phan Kỳ P.
- * Về con chung: Giao con chung Lê Mỹ U – sinh ngày: 26/10/2013 cho bà Ngô Thị Kim Á trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi), ông Lê Phan Kỳ P không cấp dưỡng nuôi con.

Sau này vì quyền lợi của con chung chưa thành niên, các bên đương sự vẫn có quyền yêu cầu hoặc thỏa thuận thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, các bên đương sự vẫn có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật; người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- * Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

3. Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) bà Ngô Thị Kim Á phải nộp, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0006060 ngày 23/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Bà Ngô Thị Kim Á đã nộp đủ tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục Thi hành án Thanh Khê;
- UBND phường Thạc Gián
(Giấy CNKH số 31 ngày 24/3/2004);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Đình Vui

